

Số: 112 /QĐ-MNPL

Điện Biên, ngày 22 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công khai dự toán bổ xung ngân sách năm 2021**  
**Trường Mầm non xã Pom Lót**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ – CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn vào Thông tư số 90/2018/TT- BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61 /2017/TT - BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ ;

Căn cứ quyết định số 407/QĐ-PGDĐT, ngày 15/12/2021 về việc giao bổ xung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán chi ngân sách năm 2021 của Trường Mầm non Xã Pom Lót ( theo các biểu đính kèm )

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các bộ phận, ban ngành đoàn thể, tổ chuyên môn và bộ phận hành chính trong nhà trường có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.KT

**HIỆU TRƯỞNG**



**Vũ Thị Thanh Huyền**

Biểu số 2 Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính  
 Đơn Trường Mầm non xã Pom Lót  
 Chương 622

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số 112 /QĐ-MNPL ngày 22/12/2021 của trường mn xã Pom Lót)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	
1	Thu học phí	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Chi hoạt động từ 60% được để lại	
	Chi 40% bổ xung cái cách tiền lương	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
<b>2</b>	<b>Phí</b>	
	Phí ...	
	Phí ...	
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>14.037.750</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>14.037.750</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>14.037.750</b>
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi khác	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	14.037.750
	Hỗ trợ chi phí học tập	11.680.000
	Cấp bù học phí	2.357.750
	Hỗ trợ ăn trưa trẻ 3-4-5T	
	Hỗ trợ giáo viên dạy lớp ghép	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	Hỗ trợ học sinh khuyết tật	
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	
9.1	Dự án A	



Số	TT	Nội dung	Dự án B	9.2
	10	Chi sử nghiệp thể dục thể thao	Dự án A	10.1
			Dự án B	10.2
	III	Nguồn vay nợ nước ngoài		
	1	Chi quản lý hành chính	Dự án A	1.1
			Dự án B	1.2
	2	Chi sử nghiệp khoa học và công nghệ	Dự án A	2.1
			Dự án B	2.2
	3	Chi sử nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Dự án A	3.1
			Dự án B	3.2
	4	Chi sử nghiệp y tế, dân số và gia đình	Dự án A	4.1
			Dự án B	4.2
	5	Chi bảo đảm xã hội	Dự án A	5.1
			Dự án B	2.2
	6	Chi hoạt động kinh tế	Dự án A	6.1
			Dự án B	6.2
	7	Chi sử nghiệp bảo vệ môi trường	Dự án A	7.1
			Dự án B	7.2
	8	Chi sử nghiệp văn hóa thông tin	Dự án A	8.1
			Dự án B	8.2
	9	Chi sử nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	Dự án A	9.1
			Dự án B	9.2
	10	Chi sử nghiệp thể dục thể thao	Dự án A	10.1
			Dự án B	10.2
Dự toán được giao				

